

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày 20/06/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Hùng

2. Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 20/06/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 2 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-DS ngày 14/5/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-DS ngày 25/5/2018 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Văn T, sinh năm 1980; HKTT: Thôn D, xã S, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ cư trú: Tổ 50, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1992, địa chỉ cư trú: Thôn T, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lưu Văn T có trình bày như sau:

Do quen biết cùng chỗ làm việc nên khi lâm vào cảnh nợ nần ông Trần Văn T đã nhiều lần gọi điện thoại hỏi mượn ông Lưu Văn T số tiền vài trăm ngàn, ông Lưu Văn T đã cho mượn và được trả đầy đủ, nhưng sau đó hỏi mượn vài triệu thì ông Lưu Văn T từ chối. Đến lúc hẹn gặp, ông Lưu Văn T thấy ông Trần Văn T bỏ nhà đi bụi, trong người không một xu dính túi, khóc lóc năn nỉ ông Lưu Văn T cho ở nhờ. Lúc đó ông Lưu Văn T mới biết được ông Trần Văn T không muốn cho gia

đình mình biết việc nợ nần và nói dối vợ đi làm ăn xa không dám về, xe cũng đem cầm. Ông Lưu Văn T hỏi thiếu ai bao nhiêu thì ông Trần Văn T nói cầm xe vay nóng 4.000.000 đồng nhưng đến nay nợ gốc và lãi đã lên nhiều nhưng không có tiền trả để chuộc xe về đi làm, ông Trần Văn T năn nỉ ông Lưu Văn T mượn dùm tiền để chuộc lại xe và trả hết nợ rồi làm lại từ đầu. Vì không nỡ từ chối, nên ông Lưu Văn T đã bảo lãnh cho ông Trần Văn T mượn tiền để chuộc lại xe cho ông Trần Văn T đi làm trả nợ nhưng sau đó ông Trần Văn T không lo trả nợ mà lại nghỉ việc khiến nợ gốc và lãi tăng lên hơn 10.000.000 đồng trong khi chủ nợ cứ liên tục tìm ông Lưu Văn T đòi nợ. Vì số tiền mượn không phải là nhỏ và lãi ngày càng tăng nên ông Lưu Văn T tìm ông Trần Văn T thương lượng để ông Lưu Văn T trả nợ thay cho ông Trần Văn T để tiền lãi không tăng lên nữa đồng thời hai bên làm giấy mượn tiền và cam kết trả nợ đề ngày 01/12/2016 để ông Trần Văn T trả nợ đúng hạn như đã cam kết. Theo thỏa thuận trong “ Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 01/12/2016” thì sau 1 tháng ông Trần Văn T phải hoàn trả đủ số tiền gốc và tiền lãi với lãi suất là 0,7%/ ngày và tiền lãi chậm trả bị phạt là 4%/ tháng. Khi đến hạn, ông Lưu Văn T nhiều lần hỏi thúc, nhưng ông Trần Văn T cứ hạn hết lần này sang lần khác, rồi cắt đứt liên lạc. Ông Lưu Văn T tìm tới nhà, ông Trần Văn T nói điện thoại bị mất, nhờ ông Lưu Văn T giữ bí mật với gia đình và hứa vài ngày sau sẽ trả. Đợi quá lâu không được trả, ông Lưu Văn T có tìm tới nhà nhưng ông Trần Văn T trốn không gặp, buộc lòng ông Lưu Văn T phải nói với ba mẹ ông Trần Văn T. Sau nhiều lần hạn nhưng cha mẹ ông Trần Văn T không chịu trả và có hành vi nhục mạ ông Lưu Văn T. Ông Lưu Văn T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Trần Văn T trả số nợ gốc là 11.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong bản tự khai, bị đơn là ông Trần Văn T có trình bày vào tháng 8 năm 2015, ông có vay số tiền 4.000.000 đồng của ông Lưu Văn T về để làm ăn , trong giấy tờ vay mượn, lãi 1 tháng là 800.000 đồng nhưng trong thời gian làm ăn bị lỗ vốn, nên chưa trả được tiền cho ông Lưu Văn T và bây giờ tiền lãi và vốn lên tới 11.000.000 đồng và ông Trần Văn T không có khả năng chi trả. Ông Trần Văn T đề nghị Tòa cho khoản thời gian là 3 tháng để trả số tiền gốc là 4.000.000 đồng cho ông Trình.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: đơn khởi kiện, bản sao CMND ông Lưu Văn T, bản photo: Thông báo thụ lý số 31/TB-TLVA ngày 20/04/2017 và quyết định đình chỉ số 26/ 2017/ QĐST- DS ngày 11/07/2017; bản sao: hộ khẩu chủ hộ Trần T, sổ tạm trú chủ hộ Lưu Văn T, bản chính giấy mượn tiền và cam kết trả nợ; bản tự khai của ông Lưu Văn T, bản tự khai của ông Trần Văn T.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết các bên đã thống nhất: không có.

Tòa án triệu tập ông Trần Văn T hợp lệ lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng ông Trần Văn T vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ giấy mượn tiền và cam kết trả nợ nên ông Lưu Văn T kiện đòi tiền đối với ông Tới. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự; Ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trong bản tự khai, ông Trần Văn T khai rằng đã vay số tiền 4.000.000 đồng của ông Lưu Văn T về để làm ăn, trong giấy tờ vay mượn, lãi 1 tháng là 800.000 đồng nhưng trong thời gian làm ăn bị lỗ vốn, nên chưa trả được tiền cho ông Lưu Văn T và bây giờ tiền lãi và vốn lên tới 11.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ giấy mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 01 tháng 12 năm 2016 và bản tự khai tại phiên hòa giải, ông Trần Văn T thừa nhận bản thân đã ký giấy giấy mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 01 tháng 12 năm 2016 nhưng chỉ chấp nhận trả 4.000.000 đồng là không thể chấp nhận được. Do ông Lưu Văn T không có yêu cầu về tiền lãi nên Tòa án không xem xét mà chỉ giải quyết đối với số nợ gốc là 11.000.000 đồng. Việc ông Trần Văn T ký giấy giấy mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 01 tháng 12 năm 2018 với số tiền 11.000.000 đồng là có thật. Do đó, căn cứ giấy mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 12/01/2016; căn cứ Điều 465, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn T đối với ông Trần Văn T, buộc ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ trả một lần cho cho ông Lưu Văn T số tiền 11.000.000 đồng.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn T nên ông Trần Văn T phải chịu 11.000.000 đồng x 5% = 550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lưu Văn T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6291 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn T đối với ông Trần Văn T. Buộc ông Trần Văn T trả cho ông Lưu Văn T 11.000.000 đồng nợ gốc.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 550.000 đồng. Hoàn trả cho ông Lưu Văn T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6291 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Về nghĩa vụ chậm thanh toán: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H.Hòa Vang;
- Chi cục THADS H.Hòa Vang;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG

